

Thứ hai, ngày 25 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/11/2019	•		
Tuần 25/11-29/11/2019		•	
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Với độ rộng nghiêng về phía bên bán, VN-Index chủ yếu vận động giằng co quanh mốc tham chiếu trước áp lực của nhóm bluechips bao gồm VCB, VRE, BID, VIC, HVN. Tới phiên chiều, chỉ số duy trì đà giảm khi sự nâng đỡ của VNM và MSN là không đủ để trì hoãn sức ép từ VCB và VRE. Thị trường tiếp tục điều chỉnh về thử thách lại các ngưỡng hỗ trợ cũ quanh kênh giá 970 – 990 điểm. Trong bối cảnh thiếu vắng thông tin hỗ trợ động lực tăng điểm, BSC cho rằng nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch cho đến khi có tín hiệu khả quan hơn từ thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 940 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/11/2019, chứng quyền cùng chứng khoán cơ sở đều phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.5%. 12/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**, con số này của VNINDEX là -0.1%

Phân tích kỹ thuật: TNG_Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Cập nhật iBroker: DHG, FPT, VTP, VNM, SAB.

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.43 điểm**, đóng cửa 976.35. HNX-Index **+0.38 điểm**, đóng cửa 103.46.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.72); MSN (+0.35); TCB (+0.26); BVH (+0.25); PLX (+0.21).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.07); VRE (-0.66); BID (-0.58); SAB (-0.37); VHM (-0.29).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,081 tỷ đồng**, **-26.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.36 điểm. Thị trường có 131 mã tăng, 75 mã tham chiếu và 177 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **62.84 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm E1VFN30 (67.61 tỷ), DHC (16.54 tỷ) và VHM (15.70 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.14 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

976.35

Giá trị: 3081.75 tỷ

-1.43 (-0.15%)

Khối ngoại (ròng): 62.84 tỷ

HNX-INDEX

103.46

Giá trị: 241.44 tỷ

0.37 (0.36%)

Khối ngoại (ròng): 1.14 tỷ

UPCOM-INDEX

56.05

Giá trị: 206.73 tỷ

-0.35 (-0.62%)

Khối ngoại(ròng): 0.081 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.9	0.23%
Giá vàng	1,459	-0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,199	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,570	-0.25%
Tỷ giá JPY/VND	21,314	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	9.40%
LS TPCP 5 năm	2.5%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	67.6	VCB	56.0
DHC	16.8	VCI	12.0
VHM	15.7	SSI	7.5
KDH	13.4	STB	6.1
VNM	11.9	NT2	5.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



BSC RESEARCH

11/25/2019

Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **12/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**, con số này của VNINDEX là -0.1%

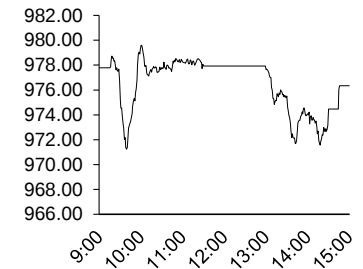
* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung.

- **7/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_ **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.5%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	0.4%	1.5%	-2.1%	-3.5%	18.1%	48.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.3%	-1.3%	-0.8%	-1.1%	-7.9%	-10.4%	47.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	-2.4%	-3.2%	0.8%	7.3%	15.6%	87.6%
Lãi suất giảm	0.2%	-2.1%	-5.9%	-4.8%	-6.6%	-1.7%	44.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	-2.5%	-4.2%	2.8%	16.0%	28.4%	125.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-2.8%	-5.1%	-0.9%	3.1%	6.1%	68.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	-3.0%	-3.4%	3.8%	5.0%	3.6%	42.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	-2.2%	-1.6%	0.0%	-1.3%	8.1%	77.7%
FTSE Việt Nam	0.0%	-1.4%	-1.3%	1.5%	1.8%	12.9%	85.2%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	-3.2%	-7.2%	-2.9%	1.0%	5.9%	59.0%
Ngân hàng	-0.1%	-2.8%	-2.7%	5.1%	13.3%	13.2%	85.6%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-2.5%	-0.7%	-1.4%	-5.0%	11.5%	50.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.2%	-3.2%	-5.7%	-0.2%	8.6%	11.1%	72.9%
Dầu khí	-0.3%	-3.0%	-0.1%	-2.2%	-8.3%	1.5%	19.1%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-2.0%	-3.1%	1.3%	1.1%	6.9%	3.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.6%	-3.3%	-5.8%	-1.7%	-6.2%	-5.7%	-6.9%
Xây dựng	-0.8%	-4.4%	-8.0%	-8.2%	-13.3%	-10.5%	19.6%
Chiến tranh thương mại	-1.0%	-0.4%	-3.4%	-6.5%	-4.7%	3.1%	16.8%
BDS & Khu công nghiệp	-1.3%	-2.4%	-1.3%	-1.2%	1.2%	7.4%	59.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 15	0.4%	-2.5%	-5.6%	-1.8%	4.1%	5.1%	62.3%
Danh mục 8	0.3%	-1.2%	-2.4%	0.2%	6.0%	14.3%	59.7%
Danh mục 4	0.2%	-2.2%	-4.1%	2.4%	10.1%	13.4%	37.2%
Danh mục 10	-1.0%	-2.0%	-5.2%	-4.8%	-1.1%	4.7%	47.3%
Danh mục 6	-1.2%	-3.6%	-7.1%	-2.3%	5.5%	13.3%	95.1%
* Note	7/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	0.5%	-1.0%	-2.3%	1.4%	9.8%	17.0%	57.6%
Danh mục 19	0.4%	-0.2%	-2.7%	3.8%	11.3%	24.1%	61.2%
Danh mục 21	0.0%	-1.7%	-3.5%	2.8%	8.2%	16.5%	65.6%
Danh mục 22	-0.2%	-2.2%	-5.3%	-1.0%	8.5%	19.3%	63.6%
Danh mục 24	-0.7%	-3.6%	-5.4%	-2.5%	5.5%	31.3%	95.5%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-2.6%	-2.0%	0.0%	0.7%	6.2%	45.1%
VN30INDEX	0.3%	-2.8%	-3.5%	0.9%	1.3%	0.2%	41.1%

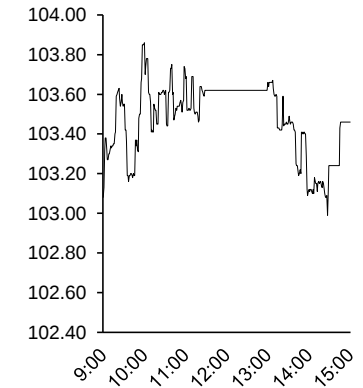
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.6%
Bảo hiểm	1.5%
Công nghệ Thông tin	0.8%
Dầu khí	0.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%
Tài nguyên Cơ bản	0.5%
Thực phẩm và đồ uống	0.4%
Dịch vụ tài chính	0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%
Viễn thông	0.0%
Y tế	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Bán lẻ	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Ngân hàng	-0.5%
Bất động sản	-0.5%
Hóa chất	-0.5%
Truyền thông	-1.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TNG Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Hồi phục từ vùng bán quá, phá kênh bollinger trên.

Nhận định: TNG đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 14. Thanh khoản cổ phiếu đã tăng trở lại và vượt ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng chưa vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn chưa hình thành. Như vậy, TNG có thể kiểm tra lại vùng kháng cự gần hạn 17-18 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo doanh thu thuần năm 2019 của TNG đạt 4,366 tỷ đồng (+20.9% YoY) dựa trên giả định đơn hàng dệt may xuất khẩu ghi nhận trong năm đạt 182 triệu USD (+20.1% YoY), mảng thời trang nội địa TNG Fashion đạt 148 tỷ doanh thu (+10% YoY). Chúng tôi dự báo biên lợi nhuận gộp sẽ tăng nhẹ từ 17.7% lên 17.8% nhờ tăng năng suất lao động và hiệu quả quản lý chi phí. LNST dự báo đạt 231.5 tỷ (+28.1% YoY), tương ứng với EPS = 3,492 đồng/CP, EPS pha loãng = 2,931 đồng/CP.

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh 1H2019: Doanh thu 1H2019 đạt 2,042 tỷ (+37.4% YoY), LNST đạt 92.97 tỷ (+38.5% YoY), hoàn thành 49.2% và 47% kế hoạch. Doanh thu thuần 2,042 tỷ (+37.4% YoY). Giá trị đơn hàng đã xác nhận đến thời điểm hiện tại của là 193 triệu USD, với tương đương 4,500 tỷ đồng (+8% so với KH doanh thu 2019, chưa tính đến doanh thu từ TNG Fashion), trong đó thị trường EU đóng góp 53%, Mỹ 37%. Giá trị đơn hàng trên đã được phân bổ sản xuất đến hết năm 2019, tuy nhiên sẽ được ghi nhận và phản ánh doanh thu tùy vào thời điểm giao hàng.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express TNG 2019Q3.

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

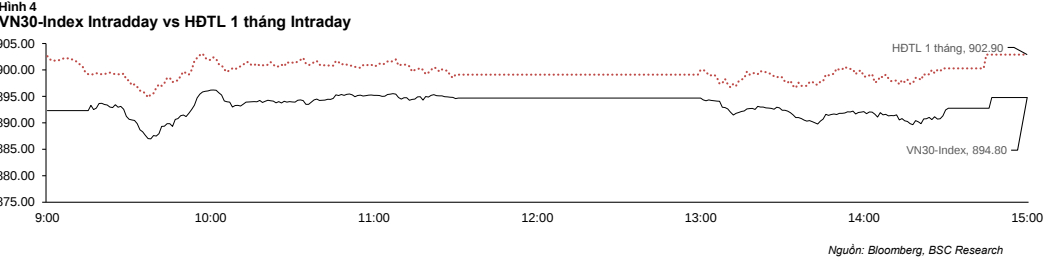
TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiền về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	902.90	0.16%	8.10	6.6%	94785	12/19/2019	26
VN30F2001	903.00	0.11%	8.20	-38.3%	524	1/16/2020	54
VN30F2003	907.00	0.22%	12.20	-46.4%	60	3/19/2020	117
VN30F2006	908.80	0.24%	14.00	-38.3%	129	6/18/2020	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.49 điểm lên mức 894.80 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, MSN, EIB, và FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 biến động mạnh trước khi tích lũy quanh 895 điểm. Sang phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm, giằng co quanh 890-892 điểm, trước khi hồi phục tích cực cuối phiên. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy dưới 895 điểm sau đợt giảm điểm mạnh cuối tuần trước.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1912 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2001 và VN30F2003 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 940 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1902	HSC	12/17/2019	22	1:1	135,370	-27.4%	1.0 triệu	16.47%	3,200	2,890	37.62%	780.90	3.70
CVNM1905	MBS	4/28/2020	155	10:1	24,710	-52.1%	1.5 triệu	18.00%	2,500	1,690	10.46%	512.20	3.30
CFPT1906	HSC	4/8/2020	135	5:1	69,370	-49.6%	5.0 triệu	21.06%	1,700	1,490	6.43%	636.20	2.34
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	14	5:1	58,150	387.4%	1.5 triệu	21.19%	5,600	3,410	4.60%	3,634.20	0.94
CVNM1903	SSI	4/22/2020	149	1:1	11,270	-3.8%	1.0 triệu	18.00%	26,600	20,000	3.52%	8,503.90	2.35
CMBB1903	SSI	4/22/2020	149	1:1	38,120	-20.3%	3.0 triệu	16.47%	4,000	3,220	2.88%	1,391.60	2.31
CHPG1908	MBS	1/22/2020	58	2:1	64,970	-42.2%	2.0 triệu	25.37%	1,450	1,540	2.67%	1,063.10	1.45
CVHM1902	SSI	4/22/2020	149	1:1	12,210	-65.3%	1.0 triệu	23.47%	18,600	17,940	2.51%	11,582.90	1.55
CMBB1905	HSC	4/8/2020	135	2:1	324,780	274.0%	5.0 triệu	16.47%	1,700	1,380	2.22%	401.20	3.44
CVNM1904	HSC	4/8/2020	135	10:1	148,250	176.0%	5.0 triệu	18.00%	1,900	1,200	1.69%	249.00	4.82
CFPT1903	SSI	12/30/2019	35	1:1	36,120	5.7%	2.0 triệu	21.06%	6,000	12,080	1.51%	11,670.30	1.04
CVIC1902	SSI	4/22/2020	149	1:1	12,400	69.9%	1.0 triệu	17.31%	22,700	17,580	0.63%	6,810.20	2.58
CMWG1907	HSC	4/8/2020	135	10:1	137,460	-42.5%	5.0 triệu	21.19%	1,900	1,020	0.00%	210.00	4.86
CVRE1902	HSC	4/8/2020	135	4:1	86,940	-85.4%	5.0 triệu	24.03%	1,300	1,440	0.00%	747.50	1.93
CMWG1904	SSI	12/30/2019	35	1:1	28,910	382.6%	1.0 triệu	21.19%	14,000	23,340	-0.47%	22,409.60	1.04
CFPT1905	SSI	4/22/2020	149	1:1	51,600	-17.3%	1.0 triệu	21.06%	9,900	7,430	-1.07%	4,479.70	1.66
CMWG1903	HSC	12/30/2019	35	5:1	108,040	-30.1%	2.0 triệu	21.19%	2,700	3,640	-1.09%	3,477.70	1.05
CSTB1901	KIS	1/9/2020	45	1:1	146,760	8.8%	1.5 triệu	19.22%	1,390	770	-1.28%	64.30	11.98
CVJC1902	SSI	4/22/2020	149	1:1	10,000	-45.7%	1.0 triệu	14.43%	27,900	26,900	-2.11%	16,133.60	1.67
CMWG1902	VND	12/11/2019	16	4:1	588,280	4910.9%	2.4 triệu	21.19%	2,990	5,000	-7.24%	5,546.80	0.90
CHPG1907	SSI	4/22/2020	149	1:1	42,800	125.4%	1.0 triệu	25.37%	4,200	3,680	-8.00%	2,364.10	1.56
CREE1904	VND	1/9/2020	45	2:1	24,190	789.3%	3.0 triệu	23.46%	3,400	1,770	-19.55%	1,403.40	1.26
CTCB1901	MBS	1/17/2020	53	2:1	23,660	-21.8%	2.0 triệu	20.82%	1,680	910	-24.17%	359.40	2.53
Tổng:					2,184,360		46.40 triệu	20.26%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/11/2019, chứng quyền cùng chứng khoán cơ sở đều phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CTCB1901 và CREE1904 giảm mạnh nhất lần lượt là -24.17% và -19.55%. Trái lại, CMBB1902 tăng mạnh nhất 37.62%. Thanh khoản thị trường giảm -8.74%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.23% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, VHM và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902, CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	122.90	1.15	0.97
TCB	23.30	1.08	0.79
MSN	71.50	1.42	0.65
EIB	17.35	2.06	0.51
FPT	56.60	1.07	0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	33.8	-2.87	-0.65
VCB	84.5	-1.17	-0.41
STB	10.2	-0.98	-0.25
SAB	233.0	-0.85	-0.20
VHM	93.2	-0.32	-0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1902	26,300	21,800	22,400
CVNM1905	151,800	126,800	122,900
CFPT1906	65,500	57,000	56,600
CMWG1905	122,000	94,000	112,000
CVNM1903	146,600	120,000	122,900
CMBB1903	26,000	22,000	22,400
CHPG1908	23,400	20,500	22,250
CVHM1902	103,600	85,000	93,200
CMBB1905	26,400	23,000	22,400
CVNM1904	152,000	133,000	122,900
CFPT1903	51,140	45,140	56,600
CVIC1902	137,700	115,000	116,000
CMWG1907	144,000	125,000	112,000
CVRE1902	37,700	32,500	33,800
CMWG1904	165,000	90,000	112,000
CFPT1905	64,900	55,000	56,600
CMWG1903	25,800	95,000	112,000
CSTB1901	12,278	10,888	10,150
CVJC1902	157,900	130,000	143,000
CMWG1902	48,130	90,000	112,000
CHPG1907	25,200	21,000	22,250
CREE1904	40,800	34,000	36,300
CTCB1901	26,860	23,500	23,300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	112.0	0.0%	0.7	2,156	3.0	8,321	13.5	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	82.9	1.6%	0.9	802	1.1	4,839	17.1	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	72.1	1.7%	1.3	2,197	0.3	1,889	38.2	3.2	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.8	1.3%	0.7	320	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	116.0	-0.2%	1.0	16,875	1.2	1,589	73.0	5.0	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.8	-2.9%	1.1	3,422	5.1	1,033	32.7	2.8	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.2	0.4%	0.8	2,314	0.7	3,187	17.9	2.6	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	36.3	-1.1%	1.0	489	0.8	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.2	-4.7%	1.4	325	1.9	3,215	4.4	0.9	45.8%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.3	0.7%	1.4	447	0.8	1,769	11.4	1.1	56.3%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.1	-0.9%	1.0	237	0.6	5,067	6.5	1.5	37.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.8	-0.8%	1.4	316	0.7	1,287	18.5	1.7	57.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.6	1.1%	0.9	1,669	2.7	4,688	12.1	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.1	0.0%	1.6	8,579	0.9	5,886	17.5	4.3	3.7%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.0	1.0%	1.5	3,055	0.7	3,467	17.0	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.7	-1.7%	1.7	368	1.0	2,062	8.6	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.6	-1.0%	0.8	1,294	0.5	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.3	-0.7%	0.5	530	0.0	4,535	20.6	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.3	0.8%	0.7	225	0.2	650	20.4	0.7	19.2%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.9	-0.9%	0.6	158	0.1	625	11.0	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	84.5	-1.2%	1.3	13,626	5.3	5,274	16.0	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	39.7	-1.2%	1.6	6,942	1.4	2,109	18.8	2.4	21.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.2	0.2%	1.6	3,424	2.0	1,641	12.9	1.1	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.2	0.0%	1.2	2,114	0.9	3,341	6.0	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.4	0.2%	1.1	2,265	3.6	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.4	0.9%	1.1	1,685	2.0	3,585	6.5	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	52.4	0.6%	0.8	187	0.1	5,073	10.3	1.7	80.4%	16.5%
NTP	Nhựa	31.8	0.3%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	18.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.8	0.0%	1.3	637	0.0	732	20.2	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.3	0.7%	1.0	2,671	4.1	2,526	8.8	1.3	37.7%	17.4%
HSG	Thép	7.5	-1.3%	1.6	138	1.6	890	8.4	0.6	17.2%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	122.9	1.2%	0.7	9,305	3.6	5,527	22.2	7.9	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.0	-0.9%	0.8	6,496	0.3	7,365	31.6	8.4	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	71.5	1.4%	1.2	3,634	1.0	4,512	15.8	2.5	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.2	0.0%	0.6	464	0.8	440	41.4	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	75.4	-0.1%	0.8	7,137	0.3	2,630	28.7	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.0	0.0%	1.1	3,257	2.4	9,850	14.5	5.5	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	33.6	-0.6%	1.7	2,072	0.6	1,747	19.2	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	24.0	0.0%	0.8	310	0.3	1,949	12.3	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.2	-1.1%	0.6	210	0.2	2,571	6.7	1.2	32.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	83.3	-0.8%	0.9	579	0.5	8,338	10.0	4.2	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	0.0%	0.7	361	0.1	1,398	13.2	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	-0.3%	0.8	240	0.0	1,912	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	66.7	1.7%	0.8	221	0.2	9,842	6.8	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.3	0.0%	1.1	524	0.3	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	0.0%	0.4	259	0.2	1,845	13.0	1.1	51.3%	8.8%
POW	Điện	13.3	0.0%	0.6	1,354	0.7	820	16.2	1.3	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.8	0.2%	0.6	285	0.3	2,721	8.4	1.6	19.1%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	122.90	1.15	0.72	680740.00
MSN	71.50	1.42	0.34	311430.00
TCB	23.30	1.08	0.26	1.11MLN
BVH	72.10	1.69	0.25	112070.00
PLX	59.00	1.03	0.23	271420.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.40	0.86	0.33	1.95MLN
MBG	41.40	9.81	0.07	500200.00
TIG	6.20	8.77	0.04	1.53MLN
TNG	15.10	5.59	0.04	903300.00
MBS	15.60	6.12	0.03	379700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	84.50	-1.17	-1.09	1.45MLN
VRE	33.80	-2.87	-0.69	3.42MLN
BID	39.70	-1.24	-0.50	822450.00
SAB	233.00	-0.85	-0.38	29020.00
VHM	93.20	-0.32	-0.30	2.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	17.70	-1.67	-0.08	1.26MLN
PGS	28.80	-6.19	-0.06	54000.00
VCS	83.30	-0.83	-0.02	142100.00
PVX	1.10	-8.33	-0.02	519100.00
CTX	11.10	-7.50	-0.02	8300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PXT	1.69	6.96	0.00	3980.00
SMA	13.85	6.95	0.01	10.00
DCL	19.25	6.94	0.02	115370.00
YBM	4.02	6.91	0.00	9530.00
SVI	60.40	6.90	0.02	170.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.01	136200.00
DST	1.10	10.0	0.00	244300.00
RCL	15.50	9.9	0.01	2500.00
MBG	41.40	9.8	0.07	500200.00
SDA	3.40	9.7	0.01	1900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	31.50	-10.00	-0.03	10.00
TMT	5.05	-7.00	0.00	3130.00
CIG	2.40	-6.98	0.00	7440.00
TTB	9.77	-6.95	-0.01	179160.00
SFC	24.10	-6.95	-0.01	360.00

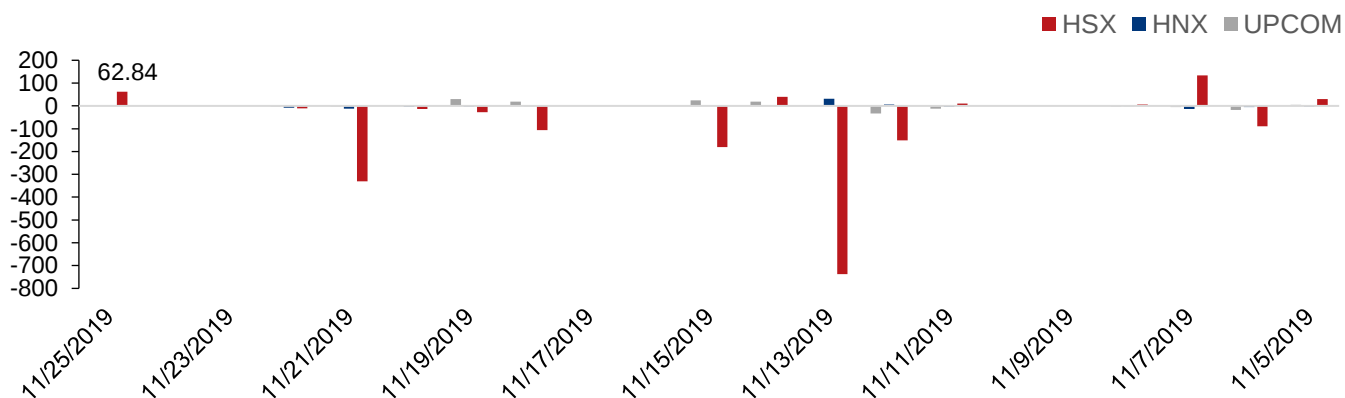
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNT	53.10	-10.00	-0.02	1100.00
SD4	3.80	-9.52	0.00	4600.00
BXH	12.50	-9.42	0.00	10000.00
VKC	2.90	-9.38	0.00	121600.00
CLH	12.70	-9.29	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	33.0	9,530	3.5	1.7	Click
2	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.6	4,688	12.1	2.8	Click
3	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.7	3,491	6.8	1.1	Click
4	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.3	2,246	8.1	0.9	Click
5	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,678	10.6	0.7	Click
6	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	71.5	4,512	15.8	2.5	Click
7	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	122.9	5,527	22.2	7.9	Click
8	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.8	2,887	7.6	1.5	Click
9	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.3	5,614	6.5	1.1	Click
10	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	76.7	14,958	5.1	1.5	Click
11	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,279	3.7	0.6	Click
12	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.4	3,585	6.5	1.5	Click
13	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.1	1,079	12.1	1.1	Click
14	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	84.5	5,274	16.0	3.9	Click
15	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.0	1,723	13.3	1.7	Click
16	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.4	3,261	6.9	1.3	Click
17	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	58.9	2,801	21.0	3.5	Click
18	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	24.0	1,949	12.3	1.1	Click
19	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.5	3,391	7.8	1.8	Click
20	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.6	4,688	12.1	2.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì minh chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa cơ nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn